

Phong cách học yêu thích của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Nguyễn Hoàng Long¹, Ngô Xuân Long²

(1) Viện Khoa học Sức khỏe, Trường Đại học VinUni

(2) Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Mỗi người học có thể ưa thích một hay nhiều phong cách học khác nhau. Nghiên cứu này được tiến hành để tìm hiểu phong cách học yêu thích của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Với thiết kế mô tả cắt ngang, khảo sát được tiến hành bằng bộ câu hỏi tự điền trên 158 sinh viên Cử nhân Điều dưỡng năm thứ 2 đại học hệ Chính quy của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. Bộ câu hỏi đánh giá phong cách học được xây dựng dựa trên bộ câu hỏi VARK của Flemming, đánh giá sự yêu thích của sinh viên với bốn phong cách học: Thị giác, Thính Giác, Đọc/Viết, Vận động. **Kết quả:** Kết quả nghiên cứu cho thấy có 32,7% sinh viên không có yêu thích rõ ràng một phong cách học nào. Trong khi gần một phần ba (28,2%) số sinh viên được hỏi chỉ yêu thích 1 phong cách học, tỷ lệ sinh viên yêu thích cùng lúc 2, 3, và cả 4 phong cách lần lượt là 17,9%, 12,2% và 9%. Đáng chú ý, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ yêu thích của sinh viên với phong cách học Thính giác, Đọc/Viết và Vận động. Tuy nhiên, mức độ yêu thích của sinh viên với phong cách học Thị giác lại thấp hơn hẳn so với cả ba phong cách học còn lại. **Kết luận:** Phong cách học yêu thích của sinh viên điều dưỡng rất đa dạng. Trong quá trình thiết kế bài giảng, giảng viên không nên chỉ tập trung vào một phương pháp tiếp cận mà nên lưu tâm nhiều hơn tới việc thiết kế bài giảng đáp ứng nhiều phong cách học khác nhau, đặc biệt là Thính giác, Đọc/Viết, và Vận động.

Từ khóa: phong cách học, đào tạo điều dưỡng, phương pháp giảng dạy

Abstracts

The preferred learning styles of nursing students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy

Nguyen Hoang Long¹, Ngo Xuan Long²

(1) College of Health Sciences, VinUniversity

(2) Faculty of Nursing, Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy

Background: Each individual may prefer one or several learning styles. This study aims to explore preferred learning styles of nursing students. **Materials and Methods:** In this cross-sectional research, 156 participants, who were the second-year nursing students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy, were surveyed by self-administered questionnaires. The assessment of learning styles was developed with the reference to the VARK questionnaire developed by Flemming. Students' learning styles were categorized as Visual, Aural, Read/Write, and Kinesthetic style. **Results:** It was found that 32.7% of the students did not demonstrate clear preferences to any learning styles. While nearly one-half (28.2%) of respondents prefer one learning style, the percentage of students who were simultaneously interested in two, three, and four learning styles are 17.9%, 12.2%, and 9%, respectively. Notably, the results found no significant difference in students' preferences to three learning styles, which were Aural, Read/Write, and Kinesthetic. However, there was significant lower score of preference of Visual style in comparison to all other three styles. **Conclusions:** The preferred learning styles are varied among nursing students. The faculty should not solely pay attention to any single learning style. They should design their teaching to meet students' various styles, especially the Aural, Read/Write, and Kinesthetic preferences.

Key words: learning styles, nursing education, teaching methods

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các trường đào tạo điều dưỡng hiện tập trung rất nhiều nguồn lực vào xây dựng nội dung chương trình, đánh giá kết quả đào tạo cũng như kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, việc đảm bảo chất lượng dạy và học cũng rất cần được chú trọng vì đó là cốt lõi của hoạt động đào tạo. Ngày nay, hoạt động giảng dạy đang chuyển dịch từ quá trình truyền đạt kiến thức một chiều từ thầy tới trò sang thành quá trình hỗ trợ hoạt động học tập cũng như cố vấn cho người học cách học, cách tự học. Để thực hiện được điều đó, hoạt động dạy-học do giảng viên thiết kế phải thực sự phù hợp với nhu cầu và phong cách của người học. Tuy vậy, nhiều báo cáo đã chỉ ra giảng viên thường ít chú ý tới việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với phong cách học của sinh viên [1].

Phong cách học là đặc điểm của từng cá nhân, thể hiện phong cách xử lý thông tin của cá nhân đó trong quá trình học các kiến thức hoặc kỹ năng mới [2]. Trong số các quan điểm về phong cách học, quan điểm chia các phong cách này theo mô hình VARK của Flemming [3] thường được sử dụng. VARK là cụm từ viết tắt của 4 phương thức cảm giác mà người học sử dụng trong quá trình thu nhận thông tin. V là viết tắt của Visual (thị giác), A là viết tắt của Aural (thính giác), R là viết tắt của Read/Write (đọc/viết), K là viết tắt của Kinaesthetic (vận động). Người học thị giác (V) thích học bằng cách nhìn thông tin trình bày dưới các dạng như lưu đồ, biểu đồ. Người học thính giác (A) thích học bằng cách nghe giảng. Người học đọc/viết, tương tự như người học thị giác, học tốt nhất khi được nhìn thấy thông tin trình bày trước mắt nhưng thay vì thông tin được trình bày dưới dạng hình vẽ, lưu đồ thì thông tin được trình bày dưới dạng văn bản. Người học vận động học tốt nhất bằng cách được trực tiếp làm một nhiệm vụ nào đó [4].

Các nghiên cứu đã được công bố cho thấy phong cách học của sinh viên rất khác nhau. Ví dụ, nghiên cứu của James và cộng sự về phong cách học của sinh viên Điều dưỡng tại Úc cho thấy điểm phong cách học Vận động trong mẫu nghiên cứu cao hơn hẳn điểm các phong cách còn lại. Điều này có nghĩa, sinh viên ưa thích cách học Vận động hơn các phong cách học khác [4]. Tuy nhiên, đa phần sinh viên (56,3%) ưa thích cả 4 phong cách học một cách cân bằng, trong khi chỉ 21,3% sinh viên chỉ ưa thích 1 trong số 4 phong cách [4]. Một nghiên cứu tương tự trên 197 sinh viên Điều dưỡng tại Jordan cho thấy 55% sinh viên yêu thích đồng thời nhiều phong cách học, 45% sinh viên chỉ yêu thích nổi trội một phong cách học. Trong số các sinh viên chỉ yêu thích nổi trội

một phong cách học, 60% yêu thích cách học Vận động, 40% yêu thích cách học qua Thính giác [5].

Rất nhiều tác giả trên thế giới khẳng định tầm quan trọng của sự phù hợp giữa phong cách giảng dạy của người dạy với cách học của người học [4]. Các lý thuyết về phong cách học cho rằng nếu hoạt động giảng dạy phù hợp với phong cách học của người học thì kết quả học tập sẽ được cải thiện [6]. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu tại Việt Nam tìm hiểu phong cách học của sinh viên Điều dưỡng. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm mô tả phong cách học yêu thích của sinh viên, từ đó làm cơ sở cho hoạt động thiết kế dạy-học của giảng viên một cách phù hợp.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Với thiết kế mô tả cắt ngang, nghiên cứu được tiến hành từ tháng 1 tới tháng 6 năm 2020. Đối tượng nghiên cứu là toàn bộ 169 sinh viên năm 2 Điều dưỡng hệ Chính quy, khoá 2019 - 2023 của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. Tuy nhiên, sau khi làm sạch số liệu, 13 đối tượng được loại ra khỏi kết quả nghiên cứu do khuyết thiếu số liệu. Kết quả khảo sát của 156 sinh viên được đưa vào xử lý số liệu và báo cáo.

Số liệu được thu thập bằng phương pháp phát vấn. Bộ câu hỏi thu thập số liệu gồm 2 phần. Phần 1 là bộ câu hỏi thu thập các thông tin nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu. Phần 2 là bộ câu hỏi đánh giá phong cách học yêu thích của sinh viên do nhóm nghiên cứu viên xây dựng dựa trên bộ câu hỏi VARK của Flemming [3]. Bộ công cụ VARK gồm 12 câu, mỗi câu hỏi là một tình huống học tập. Ở mỗi tình huống có 4 phương án học cho người học lựa chọn, mỗi phương án tương ứng với một phong cách học. Dựa trên cách tiếp cận của VARK, nhóm nghiên cứu tự xây dựng các câu hỏi cho phù hợp với thực tế học tập của sinh viên Điều dưỡng. Theo đó, bộ công cụ gồm 11 tình huống. Mỗi tình huống có 4 hoạt động học tập, tương ứng với 4 phong cách học là Thị giác (V), Thính giác (A), Đọc/Viết (R) và Vận động (K). Với mỗi tình huống, người học có thể chọn 1 hay nhiều hoạt động mà mình thích. Ví dụ, người học có thể chọn là thích được tự đọc tài liệu hoặc (và) được tự làm, hoặc (và) được người khác giảng cho về một vấn đề nào đó.

Mỗi lần chọn mình muốn học theo hoạt động nào đó, người học sẽ được tính 1 điểm cho phong cách học tương ứng. Điểm của phong cách học nào đó là tổng số lần nó được người học chọn ở 11 tình huống, tối đa là 11 điểm. Điểm càng cao càng thể hiện sinh viên càng ưa thích phong cách học đó. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, những sinh viên

lựa chọn một phong cách học nhất định nào đó ở ít nhất một nửa số tình huống học tập sẽ được phân loại là có yêu thích phong cách học đó một cách rõ ràng. Theo đó, nếu người học điểm số ở một phong cách học bất kỳ từ 6 trở lên (tức người học chọn học theo cách học đó ở 6/11 tình huống học tập) thì sẽ được tính là có yêu thích rõ ràng về phong cách học đó. Ngược lại, nếu điểm số từ 5 trở xuống thì người học sẽ được phân loại là không có yêu thích rõ ràng với phong cách học đó. Bộ câu hỏi sau khi xây dựng được gửi xin ý kiến góp ý của 3 chuyên gia về giáo

dục điều dưỡng trong nước trước khi đưa vào sử dụng.

Nghiên cứu đã được thông qua bởi Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học của BV Trung ương Thái Nguyên.

Thống kê mô tả (tỷ lệ phần trăm, tần số, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn) được sử dụng để mô tả đặc điểm của nhóm nghiên cứu. Kiểm định t-test được sử dụng để so sánh điểm về phong cách học của các nhóm sinh viên khác nhau. Mức ý nghĩa thống kê được sử dụng là 0,05.

3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 156)

Đặc điểm	Tần suất	Tỷ lệ %	
Giới	Nữ	148	94,9
	Nam	8	5,1
Năm sinh	Trước 2000	11	7,1
	2000	145	92,9
Dân tộc	Kinh	120	76,9
	Khác	36	23,1
Điểm thi đầu vào	≥ 21.00	25	16,0
	< 21.00	131	84,0

Kết quả nghiên cứu cho thấy đã phần đối tượng nghiên cứu là nữ (94,9%), có năm sinh đúng năm tuyển sinh (92,9%) là dân tộc Kinh (76,9%) và có điểm thi đầu vào dưới 21 điểm (84,4%).

Bảng 2. Điểm mức độ yêu thích phong cách học của đối tượng nghiên cứu (n = 156)

Phong cách	GT nhỏ nhất – GT lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Thính giác	0 - 9	4,87	1,84
Thị giác	0 - 8	4,00	1,63
Đọc/Viết	1 - 9	4,98	1,87
Vận động	0 - 9	4,72	1,79

Bảng 2 trình bày điểm trung bình mức độ yêu thích các phong cách học của đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu có điểm yêu thích thấp nhất đối với phong cách học Thị giác và cao nhất với phong cách Đọc/Viết. Tuy nhiên, kết quả kiểm định khác biệt giá trị trung bình bằng t-test với lần lượt các cặp phong cách học cho thấy chỉ có sự khác biệt (thấp hơn) có ý nghĩa thống kê về điểm yêu thích phong cách học Thị giác với các phong cách khác ($p < 0,05$). Không tìm thấy sự khác biệt về điểm yêu thích giữa ba phong cách còn lại.

Bảng 3. Số phong cách học yêu thích rõ ràng của đối tượng nghiên cứu (n = 156)

Số phong cách học yêu thích	Tần suất	Tỷ lệ %
Không có yêu thích rõ ràng phong cách nào	51	32,7
Yêu thích rõ ràng một phong cách học	44	28,2
Yêu thích rõ ràng 2 phong cách học cùng lúc	28	17,9

Yêu thích rõ ràng 3 phong cách học cùng lúc	19	12,2
Yêu thích rõ ràng 4 phong cách học cùng lúc	14	9,0
Tổng	156	100%

Kết quả nghiên cứu cho thấy 32,7% đối tượng nghiên cứu không yêu thích rõ ràng một phong cách học nào. Đáng chú ý, có 9,0% đối tượng có yêu thích cùng lúc 4 phong cách học.

Bảng 4. Tần suất đối tượng yêu thích rõ ràng một phong cách học (n = 156)

	Phong cách học	Tần suất	Tỷ lệ %
Thính giác	Không yêu thích rõ ràng	96	61,5
	Yêu thích rõ ràng	60	38,5
Thị giác	Không yêu thích rõ ràng	125	80,1
	Yêu thích rõ ràng	31	19,9
Đọc/Viết	Không yêu thích rõ ràng	91	58,3
	Yêu thích rõ ràng	65	41,7
Vận động	Không yêu thích rõ ràng	99	63,5
	Yêu thích rõ ràng	57	36,5

Kết quả trong bảng 4 thể hiện tỷ lệ người học cho biết có yêu thích rõ ràng ở từng phong cách học. Theo đó, phong cách học Thị giác có tỷ lệ người yêu thích rõ ràng ít nhất (19,9%). Phong cách học Đọc/Viết có tỉ lệ người yêu thích cao nhất (41,7%).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu này cho thấy, trong số bốn phong cách học, phong cách được sinh viên ít yêu thích nhất là Thị giác. Kiểm định cho thấy điểm số của phong cách học Thị giác thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với cả ba phong cách còn lại (Thính giác, Đọc/Viết, Vận động). Ngược lại, không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa ba phong cách học đó. Điều này có nghĩa rằng sinh viên không yêu thích việc học dựa trên các bảng minh họa bằng hình vẽ, lưu đồ như yêu thích được đọc thông tin dưới dạng văn xuôi, hoặc được nghe thầy giảng [3]. Kết quả đánh giá sâu hơn cũng cho thấy chỉ có 19,9% số sinh viên được hỏi thực sự yêu thích phong cách học này một cách rõ ràng (bảng 4). Việc không yêu thích học dựa vào hình vẽ, sơ đồ, biểu đồ có thể là do thói quen học tập đã được hình thành từ trước khi ở bậc học thấp hơn sinh viên ít có điều kiện được học tập nhiều bằng phương pháp này. Ngoài ra, một khả năng cần được xem xét là có thể chất lượng của các bài dạy-học sử dụng hình vẽ, sơ đồ, lưu đồ của giảng viên chưa thực sự hấp dẫn. Chính điều này làm cho sinh viên không hứng thú và yêu thích cách tiếp cận này. Để trả lời chính xác vì sao sinh viên yêu thích/không yêu thích một phong cách học nào đó, các nghiên cứu sâu hơn về nội dung này là cần thiết.

Đáng chú ý, dù không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm số yêu thích của sinh viên đối với ba phong cách học là Thính giác, Đọc/Viết và Vận

động, điểm trung bình yêu thích đối với phong cách học Đọc/Viết vẫn trội hơn điểm của hai phong cách còn lại. Kết quả này khác với kết quả của nghiên cứu của James và cộng sự [4]. Theo đó, kết quả khảo sát trên sinh viên điều dưỡng và hộ sinh Úc của nhóm tác giả này cho thấy sinh viên yêu thích nhất với phong cách học Vận động và ít yêu thích nhất với phong cách học Thính giác. Người yêu thích Phong cách học Đọc/Viết thích được thu nhận thông tin bằng cách đọc văn bản, con số. Thói quen học tập của học sinh tại trung học phổ thông và sinh viên đại học của tại Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu là đọc sách và nghe giảng thụ động. Sách giáo khoa cũng được biên soạn với chủ yếu là chữ viết với ít hình, biểu đồ minh họa. Có lẽ sự quen thuộc với phương pháp học tập này là yếu tố ảnh hưởng chính đến việc sinh viên Việt Nam có xu thế yêu thích phong cách Đọc/Viết, trong khi sinh viên tại một số nước có nền giáo dục tiên tiến hơn lại yêu thích phong cách học Vận động.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa phần (67,3%) đối tượng nghiên cứu yêu thích rõ ràng ít nhất một phong cách học cụ thể nào đó (bảng 3). Theo Romanelli, Bird E và Ryan [7], việc hiểu về phong cách học của sinh viên mang lại lợi ích cho cả người dạy lẫn người học. Giảng viên khi biết về các phong cách học mà sinh viên trong lớp của mình yêu thích sẽ có thể thiết kế bài giảng và các hoạt động học tập sao cho phù hợp nhất với người học. Ở chiều ngược

lại, sinh viên khi biết được phong cách học yêu thích của mình sẽ có thể lựa chọn được các phương pháp và cách tiếp cận giúp học nhanh và hiệu quả nhất. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này chỉ ra đa phần sinh viên cùng lúc yêu thích nhiều hơn một phong cách học. Điều này có thể vừa là thách thức vừa là thuận lợi đối với giảng viên. Thách thức là làm sao có thể thiết kế bài giảng vừa “khẩu vị” của nhiều người học với các phong cách học khác nhau. Ở khía cạnh tích cực, việc người học yêu thích nhiều phong cách học khác nhau giúp giảng viên có nhiều sự lựa chọn trong việc thiết kế hoạt động học tập của mình, thay vì chỉ nên sử dụng đơn điệu một hai cách tiếp cận chủ đạo. Tuy vậy, việc thiết kế hoạt động dạy và học ra sao phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm của người học cũng như điều kiện học tập mà từng cá nhân giảng viên phải tự quyết định. Rất khó để có thể có một công thức chung phù hợp với mọi tình huống. Ngoài ra, việc chủ động thiết kế hoạt động dạy học cho phù hợp với phong cách học có tác dụng ra sao, ở mức độ thế nào đối với kết quả học tập của sinh viên cũng vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu bằng thực nghiệm.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Với thiết kế mô tả cắt ngang trên 158 sinh viên Điều dưỡng năm thứ 2, kết quả nghiên cứu này cho

thấy sinh viên có mức độ yêu thích tương đương với ba phong cách học là Thính giác, Đọc/Viết và Vận động. Mức độ yêu thích với phong cách học Thị giác thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với cả ba phong cách còn lại. Tuy nhiên, điểm trung bình chung của cả bốn phong cách học đều nằm dưới mức yêu thích rõ ràng (6/11 trở lên). Khi xem xét với từng nhóm phong cách học, đa phần sinh viên yêu thích ở mức rõ ràng đồng thời nhiều phong cách học. Giảng viên có thể sử dụng kết quả nghiên cứu này để xây dựng hoạt động dạy-học phù hợp nhất với nhu cầu của người học. Cần có các nghiên cứu tiếp theo để tìm hiểu sâu hơn về lý do sinh viên yêu thích/không yêu thích một phong cách học nào đó.

Nghiên cứu này có một số hạn chế. Cụ thể, bộ công cụ của nghiên cứu được nhóm tác giả tự xây dựng và mới được kiểm tra về tính giá trị nội dung. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tiếp tục đánh giá một số đặc điểm chất lượng khác của bộ công cụ này. Ngoài ra, đối tượng nghiên cứu là sinh viên của trường đại học Y Dược Thái Nguyên, nơi có vùng tuyển sinh chủ yếu là vùng núi phía Bắc. Do đó, các đặc điểm của nhóm sinh viên này có thể không thực sự mang tính đại diện cho sinh viên cử nhân Điều dưỡng cả nước nói chung. Các nghiên cứu trong tương lai về chủ đề này có thể tiếp tục tìm hiểu trên đối tượng đa dạng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abu-Moghli FA, Khalaf IA, Halabi JO, Wardam LA (2005), Jordanian baccalaureate nursing students' perception of their learning styles. *International Nursing Review*, 52(1):39-45.
2. McKenna L, Copnell B, Butler AE, Lau R (2018), Learning style preferences of Australian accelerated postgraduate pre-registration nursing students: A cross-sectional survey. *Nurse Education in Practice*, 28:280-284.
3. Fleming ND (2001), Teaching and Learning Styles: VARK Strategies. New Zealand: Christchurch.
4. James S, D'Amore A, Thomas T (2011), Learning preferences of first year nursing and midwifery students:

Utilising VARK. *Nurse Education Today*, 31(4):417-423.

5. Alkhasawneh E (2013), Using VARK to assess changes in learning preferences of nursing students at a public university in Jordan: Implications for teaching. *Nurse Education Today*, 33(12):1546-1549.

6. Wang R, Liu C (2019), The relation of dental students' learning styles to their satisfaction with traditional and inverted classroom models. *BMC Med Educ*, 19(1):315-315.

7. Romanelli F, Bird E, Ryan M (2009), Learning styles: a review of theory, application, and best practices. *Am J Pharm Educ*, 73(1):9-9.